

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-PT
Ngày 03-02-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thiệm
Bà Trần Thị Vân Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 57/2020/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐ-PT ngày 11 tháng 01 năm 2021, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 124/TB-TA ngày 22 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Đình A, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ dân phố số 8, thị trấn C, huyện D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ dân phố số 8, thị trấn C, huyện D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn là anh Trần Đình A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn từ năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra từ năm 2014, nguyên nhân là do quan điểm sống và cách sống không phù hợp. Đặc biệt, chị B đã có mối quan hệ với người đàn ông khác nên tình cảm vợ chồng không còn, hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã và đã sống ly thân hơn 02 năm nay. Anh A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn vì quan hệ vợ chồng đã trầm trọng, gia đình không hạnh phúc và anh không còn tình cảm với vợ.

Về con chung: Anh A và chị B có 02 con chung là cháu Trần Khánh E, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2005 và cháu Trần Khánh F, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2012. Ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giao cháu Echo anh trực tiếp nuôi dưỡng, còn chị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh. Về cấp dưỡng nuôi con, anh và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh A yêu cầu Tòa án chia tài sản chung và nợ chung gồm: Về tài sản chung là quyền sử dụng đất của 02 thửa đất tại tổ dân phố 8, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng: Thửa thứ nhất là thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 50, có diện tích là 28m², địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố 8, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, đã được UBND huyện Cát Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Quyết định số 2354 - QĐ-UBND ngày 31/12/2010. Trên đất có 01 ngôi nhà 5 tầng. Thửa đất thứ hai là thửa đất số 176, tờ bản đồ số 50, diện tích 74m², địa chỉ thửa đất tại Tổ dân phố 8, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng, đã được UBND huyện Cát Hải cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 29/01/2018, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01920. Trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 một tầng lợp mái tôn.

Ngoài ra các vật dụng gia đình có giá trị còn có: Điều hòa: 6 cái, tivi: 6 cái, giường: 5 cái; tủ: 4 cái; kệ: 1 cái; bàn ghế: 1 bộ; tủ lạnh: 1 cái; bình nóng lạnh: 1 cái; máy giặt: 1 cái.

Tổng giá trị hai thửa đất có giá trị khoảng: 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, các đồ dùng trong nhà khoảng 50.000.000 đồng.

Về nợ chung: Anh A yêu cầu chia nợ chung gồm: Vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu có địa chỉ tại 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh ba hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng thứ nhất là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ký ngày 20/6/2016, để thế chấp cho khoản vay 500.000.000 đồng

Hợp đồng thứ hai là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ký ngày 29/11/2017, để thế chấp cho khoản vay 500.000.000 đồng

Hợp đồng thứ ba là Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ký ngày 09/9/2018, để thế chấp cho khoản vay 500.000.000 đồng.

Vay của bà Lê Thị Xoan, địa chỉ: Tổ dân phố 14, thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng với số tiền là 170.000.000 đồng.

Tổng số nợ là 1.670.000.000 (một tỷ sáu trăm bảy mươi triệu) đồng. Tuy nhiên, ngày 01 tháng 7 năm 2020, anh A đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung.

Tại cấp sơ thẩm, trong bản tự khai bị đơn là chị Nguyễn Thị B đã trình bày:

Chị và anh A kết hôn vào năm 2001 tại UBND xã Vĩnh Hòa, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong khi chung sống anh chị hạnh phúc được một thời gian sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh A thường chơi bời, tụ tập, nhậu nhẹt, không quan tâm đến gia đình. Chị B đồng ý ly hôn. Về con chung, chị đề nghị để tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Chị B yêu cầu tòa án giải quyết về số nợ và chị yêu cầu nếu chị ở nhà 05 tầng thì chị không phải trả nợ. Nếu chị ở nhà 74m² thì chị sẽ trả nợ là 1.500.000.000 đồng.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số 04/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần Đình A, anh A được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Khánh E, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2005 cho anh A và con chung là Trần Khánh F, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho chị B; anh A, chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con được giao cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và không được lạm dụng quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình (nếu có) không

được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên quyền kháng cáo và án phí đối với các đương sự.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020, chị Nguyễn Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy phần quyết định đối với việc ly hôn của Bản án số 04/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng do hai anh chị chưa thống nhất được với nhau về việc nuôi con chung và về phần tài sản chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Tòa án nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của anh A và chị B xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm cho anh A được ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: tòa án cấp sơ thẩm giao cho mỗi người nuôi con một là phù hợp điều kiện khách quan và có căn cứ.

Về tài sản chung: quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung nên tòa án đình chỉ là đúng quy định của luật.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị B:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại bản tự khai này 02 tháng 6 năm 2020, chị Nguyễn Thị B thừa nhận chị và anh A chỉ hạnh phúc được một thời gian sau đó xảy ra mâu thuẫn do anh A thường chơi bời, tụ tập, nhậu nhẹt, không quan tâm

đền gia đình và đồng ý ly hôn. Mặt khác, hai anh chị đã sống ly thân 02 năm nay. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị B cũng khai vợ chồng chung sống không có hạnh phúc nhưng không đồng ý ly hôn vì chưa thỏa thuận được với anh A về con chung và tài sản chung. Xét thấy, hôn nhân phải xuất phát từ tình cảm của cả vợ và chồng. Bản thân chị B cũng xác nhận hôn nhân của chị và anh A không hạnh phúc. Như vậy là mục đích hôn nhân của hai người không đạt được. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, chị B không đến tòa án để hòa giải, chị vắng mặt tại các phiên tòa cho thấy chị B không thiện chí mong muốn đoàn tụ gia đình và đã thuận tình ly hôn tại bản tự khai của chị ngày 02 tháng 6 năm 2020. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh A là có căn cứ theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Chị Nguyễn Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy phần quyết định đối với việc ly hôn của Bản án sơ thẩm do hai anh chị chưa thống nhất được với nhau về việc nuôi con chung nhưng trong bản tự khai, chị trình bày quan điểm về con chung, chị yêu cầu để chị và anh A tự thỏa thuận, nhưng thỏa thuận cụ thể như thế nào chị cũng không nêu rõ. Mặc dù hai con chung của anh chị đều có nguyện vọng được ở với bố nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cho mỗi người nuôi một con chung là phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của mỗi bên.

[3] Về tài sản chung: Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về nợ chung và tài sản chung nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng luật. Tuy nhiên, trong vụ án này, bị đơn cũng có ý kiến về việc giải quyết tài sản chung và nợ chung nên khi nguyên đơn rút yêu cầu về nội dung này thì phải xác định bị đơn có yêu cầu phản tố. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn là không đúng với Điều 200 và Điều 202 của Bộ luật Tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Tuy nhiên, xét thấy các đương sự vẫn có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản sau khi ly hôn khi có yêu cầu nên quyền lợi của họ vẫn được bảo đảm. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn giữ nguyên bản án sơ thẩm. Do Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết về tài sản chung nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể giải quyết vượt quá so với cấp sơ thẩm nên chị B có quyền khởi kiện chia tài sản chung sau khi ly hôn trong vụ án khác.

[4] Từ những căn cứ trên, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị B.

[5] Về án phí ly hôn phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị B.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 04/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình A được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Khánh E, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2005 cho anh A và con chung là Trần Khánh F, sinh ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Anh A và chị B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Đình A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003587 ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

5. Về án phí ly hôn phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003640 ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện

theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hải Phòng;
- TAND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

